

Số: /KH-SYT

Trà Vinh, ngày tháng năm 2020

KẾ HOẠCH
Phát triển ngành Y tế tỉnh Trà Vinh 5 năm 2021 – 2025

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 04/5/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 139/KH-BYT ngày 01/3/2016 của Bộ Y tế về Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 07/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

Thực hiện Công văn số 2760/BYT-KH-TC ngày 20/5/2020 của Bộ Y tế về việc xây dựng kế hoạch phát triển y tế 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 1170/SKHĐT-THKTKG, ngày 25/6/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề cương xây dựng báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

Sở Y tế báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2016-2020 và xây dựng Kế hoạch 5 năm 2021-2025, như sau:

Phần I
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN Y TẾ
5 NĂM 2016 – 2020

I. VỀ CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐẾN NĂM 2020

1. Về công tác triển khai, thực hiện quy hoạch, chỉ tiêu kế hoạch phát triển sự nghiệp y tế:

Thực hiện Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 10/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đề án quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế tỉnh Trà Vinh từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt điều chỉnh,

bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Sở Y tế đã triển khai, tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo đạt mục tiêu và các chỉ tiêu cơ bản như: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống y tế tỉnh Trà Vinh theo hướng công bằng, hiệu quả, phát triển và phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của nhân dân trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe; bảo đảm mọi người dân được hưởng các dịch vụ y tế có chất lượng; người dân được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần; giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, nâng cao chất lượng dân số góp phần cải thiện chất lượng nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh nhà.

2. Về thực hiện 3 khâu đột phá chiến lược:

(i)- Thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính: Sở Y tế quản lý 196 thủ tục hành chính theo thẩm quyền; trong đó có 126 thủ tục hành chính mức độ I, II; 19 thủ tục mức độ III và 51 thủ tục mức độ IV; vượt chỉ tiêu theo danh mục do Thủ tướng Chính phủ quy định, có 190/196 thủ tục được rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định, đạt 96,9%; còn lại 06 thủ tục giữ nguyên do thời gian giải quyết trong ngày.

(ii)- Phát triển nguồn nhân lực, quan tâm đào tạo cán bộ, nhất là lĩnh vực chuyên khoa từng bước nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tỉnh.

(iii)- Tăng cường đầu tư xây dựng mới Bệnh viện đa khoa tỉnh (700 giường bệnh), Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải (50 giường bệnh); xây dựng mở rộng tăng thêm 50 giường nội trú của Bệnh viện Y dược cổ truyền (150 giường); cải tạo, sửa chữa 03 bệnh viện tỉnh (Bệnh viện Lao – Bệnh phổi, Bệnh viện Sản – Nhi, Bệnh viện đa khoa khu vực Tiểu Cần), 03 Trung tâm Y tế huyện (Càng Long, Châu Thành, Cầu Kè); xây dựng mới 05 trạm y tế (xã Đại Phúc, huyện Càng Long; xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành; xã Trường Thọ, huyện Cầu Ngang; xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú; xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải); đầu tư hệ thống xử lý nước thải cho 38 trạm y tế trên địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2019 – 2024 (nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới và ngân sách tỉnh đối ứng) xây dựng mới 11 trạm y tế, cải tạo sửa chữa 18 trạm y tế nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

1. Về mạng lưới tổ chức hệ thống y tế:

Năm 2016: Thực hiện Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

* Khối quản lý Nhà nước, gồm có: Sở Y tế (với 07 phòng chuyên môn giúp việc), Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

* Các đơn vị trực thuộc, gồm có: Bệnh viện đa khoa tỉnh (550 giường bệnh), Bệnh viện Y dược cổ truyền (100 giường), Bệnh viện Sản - Nhi (200 giường), Bệnh viện Lao - Bệnh phổi (100 giường), Bệnh viện đa khoa khu vực Tiểu Cần (200 giường), Bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang (200 giường); Bệnh viện đa khoa các huyện (Càng Long 100 giường; Châu Thành 70 giường; Trà Cú 150 giường; Cầu Kè 100 giường; Duyên Hải 100 giường); các Trung tâm thuộc hệ phòng bệnh (Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Kiểm nghiệm, Trung tâm Giám định Y khoa, Trung tâm Pháp Y và 09 Trung tâm Y tế tuyến huyện và còn có 09 Trung tâm Dân số - KHHGD tuyến huyện (trực thuộc Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh).

* Tuyến xã: có 94 trạm y tế và 15 phòng khám đa khoa khu vực.

Đến năm 2020:

Mạng lưới tổ chức các đơn vị y tế trong tỉnh theo quy định hiện hành tại các văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với điều kiện của địa phương. Đến năm 2020, mạng lưới tổ chức của y tế tỉnh Trà Vinh như sau:

* Tuyến tỉnh:

Về cơ bản mô hình tổ chức tuyến tỉnh bao gồm: Cơ quan Sở Y tế, các Chi cục, các đơn vị sự nghiệp công lập tuyến tỉnh trực thuộc Sở Y tế.

- Sở Y tế: là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về y tế.

- Chi cục trực thuộc Sở: Chi cục Dân số và Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở:

+ Lĩnh vực Y tế dự phòng: Năm 2018, giải thể Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh thành lập mới Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, đồng thời giải thể, sáp nhập Trung tâm Truyền thông – GDSK, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm phòng chống HIV/AIDS và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh. Giải thể, sáp nhập Trung tâm Giám định Y khoa vào Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

+ Mạng lưới khám chữa bệnh, phục hồi chức năng: Đến năm 2020: giữ nguyên 06 bệnh viện như hiện tại với tổng số giường bệnh là 1.950 giường.

* Tuyến huyện:

- Đơn vị sự nghiệp Y tế trên địa bàn huyện: 09 Trung tâm Y tế.

* Tuyển xã: Hiện có 101⁽¹⁾ Trạm y tế xã và 01 Phòng khám đa khoa khu vực Hòa Minh.

* Các cơ sở ngoài công lập: Phân đầu đến năm 2020, có 02 bệnh viện ngoài công lập với quy mô 100 giường bệnh.

2. Về phát triển nhân lực y tế:

Năm 2016: Tổng biên chế toàn ngành Y tế là 3.109 người /1.067.000 dân số tỉnh, đạt 29,14 cán bộ y tế/vạn dân; trong đó có: 657 bác sĩ, đạt 6,16 bác sĩ/vạn dân; 90 dược sĩ đại học, đạt 0,84 dược sĩ đại học/vạn dân.

Năm 2018: Tổng biên chế toàn ngành Y tế là 3.045 người/1.045.550 dân số tỉnh, đạt 29,12 cán bộ y tế/vạn dân; trong đó có: 694 bác sĩ, đạt 6,64 bác sĩ/vạn dân; 47 dược sĩ đại học, đạt 0,45 dược sĩ đại học/vạn dân; tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ làm việc đạt 92,4%.

Đến năm 2020: phân đầu số cán bộ y tế đạt 35 người/10.000 dân, đạt 8 bác sĩ/10.000 dân và 1,5 dược sĩ đại học/10.000 dân; tỉ lệ trạm y tế có bác sĩ đạt 95%.

3. Về phát triển mạng lưới y tế dự phòng:

* Các chỉ tiêu chuyên môn (đến năm 2020):

- Phòng chống các bệnh dịch nguy hiểm, đạt được kết quả như sau:

+ Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin cho trẻ dưới 1 tuổi đạt trên 95%; Tỷ lệ tiêm đủ liều vắc xin phòng uốn ván cho phụ nữ có thai đạt trên 90%.

+ Phòng chống Sốt xuất huyết: Giảm tỷ lệ mắc sốt xuất huyết, không chế tỷ lệ mắc/100.000 dân ở mức 0,09.

+ Phòng chống Sốt rét – Ký sinh trùng: Giảm tỷ lệ mắc sốt rét dưới 0,045/1.000 người dân.

+ Phòng chống HIV/AIDS: Không chế tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng dân cư ở mức dưới 0,1%.

+ Phòng chống lao: Giảm tỷ lệ mắc lao mới/100.000 dân xuống dưới 50; phân đầu và duy trì tỷ lệ bệnh nhân mắc lao phổi AFB (+) được điều trị khỏi, đạt trên 90%.

+ Phòng chống bệnh phong: Đảm bảo 100% bệnh nhân phong được quản lý, điều trị và chăm sóc tận tụy.

- Phòng chống suy dinh dưỡng: Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (thể nhẹ cân) còn 7,97%; tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi là 10,1% (Theo số liệu cân,

⁽¹⁾Điều chỉnh giải thể 04 Trạm Y tế và sáp nhập 01 Trạm Y tế vào Phòng khám ĐKKV, gồm: sáp nhập Trạm Y tế xã Hòa Minh vào Phòng khám ĐKKV Hòa Minh thuộc TTYT huyện Châu Thành theo Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 11/10/2019; giải thể Trạm Y tế thị trấn Cầu Kè thuộc TTYT huyện Cầu Kè theo Quyết định số 2340/QĐ-UBND ngày 04/11/2019; giải thể Trạm Y tế thị trấn Càng Long thuộc TTYT huyện Càng Long theo Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 31/01/2020; giải thể Trạm Y tế Phường 1 thuộc TTYT thị xã Duyên Hải theo Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 24/3/2020; giải thể Trạm Y tế Thị trấn Tiểu Cần thuộc TTYT huyện Tiểu Cần theo Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh.

đo của các Trung tâm Y tế cấp huyện năm 2018). Tuy nhiên, theo kết quả điều tra của Viện Dinh dưỡng tại tỉnh Trà Vinh năm 2018 thì tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân là 13,8% và tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi là 22,7%.

- Bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em, chăm sóc sức khỏe sinh sản: Đến năm 2020, giảm tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi xuống còn 2‰, giảm tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi xuống 2,2‰ và giảm tỷ số tử vong mẹ còn 20/100.000 trẻ đẻ sống. Phấn đấu đạt 99% bà mẹ khi sinh được cán bộ chuyên môn hỗ trợ.

- Bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng: Đảm bảo 100% người bệnh được quản lý, 90% số bệnh nhân phát hiện mới được điều trị ổn định; hỗ trợ người bệnh sống hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

4. Về phát triển mạng lưới khám chữa bệnh, phục hồi chức năng và hệ thống cấp cứu:

Đến năm 2020, có 100% cơ sở khám chữa bệnh thực hiện được các kỹ thuật theo danh mục phân tuyến kỹ thuật của Bộ Y tế và một số cơ sở khám chữa bệnh triển khai thực hiện được các kỹ thuật vượt tuyến. 100% cơ sở khám chữa bệnh có hệ thống xử lý nước thải y tế và xử lý rác thải y tế đúng quy định; số giường bệnh công lập trực thuộc tỉnh đạt 2.570 giường, đạt 21,9 giường bệnh/10.000 dân.

- Các bệnh viện hiện có:

+ Tuyến tỉnh ưu tiên đầu tư chuyên sâu theo từng chuyên ngành;

+ Tuyến huyện: Nâng cấp các Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

- Khu vực ngoài công lập: Thu hút đầu tư, thành lập bệnh viện tư nhân với quy mô 100 giường bệnh.

* *Quy hoạch mạng lưới cấp cứu:*

- Cấp cứu trong bệnh viện:

+ Tuyến tỉnh thành lập khoa Cấp cứu, khoa Hồi sức tích cực, Chống độc tại các bệnh viện.

+ Tuyến huyện: 100% bệnh viện đa khoa huyện có khoa Hồi sức cấp cứu.

+ Tuyến xã: 100% cán bộ y tế xã, phường, thị trấn được tập huấn các kỹ thuật sơ cấp cứu.

- Cấp cứu ngoài bệnh viện:

+ Tuyến tỉnh: Duy trì Đội Cấp cứu 115 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh nhằm kịp thời cấp cứu các trường hợp tai nạn giao thông.

+ Tuyến huyện: Củng cố các Tổ vận chuyển cấp cứu tại các bệnh viện đa khoa huyện, cần trang bị ít nhất 02 ô tô/bệnh viện đa khoa huyện.

5. Về mạng lưới y tế cơ sở:

* *Tuyến huyện:*

- Đơn vị quản lý Nhà nước về y tế tuyến huyện: Duy trì mô hình Phòng Y tế trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Các đơn vị sự nghiệp tuyến huyện:

+ Khối khám chữa bệnh đã hoàn thành việc sáp nhập Trung tâm y tế và Bệnh viện đa khoa huyện thành 5 Trung tâm y tế 02 chức năng.

+ Khối Dân số: Đã giải thể Trung tâm Dân số và sáp nhập vào Trung tâm Y tế của 09 huyện, thị xã, thành phố.

* *Tuyển xã*: Năm 2018, có 101/106 xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế (đạt tỷ lệ 95,28%) và có 104/107 trạm y tế có bác sĩ làm việc (đạt tỷ lệ 97,2%). Tỷ lệ này đạt 100% vào năm 2020.

* Các cơ sở Y tế khác đóng trên địa bàn được thành lập theo quy định hiện hành và chịu sự quản lý, chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Y tế.

6. Về lĩnh vực Y học cổ truyền:

- 100% các Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế (02 chức năng) tuyến huyện, thị xã, thành phố có khoa y học cổ truyền.

- 85% số trạm y tế xã, phường, thị trấn có phòng chẩn trị y học cổ truyền.

- 100% các khoa Y học cổ truyền tại các bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế có bác sĩ chuyên khoa về y học cổ truyền.

- Khám, chữa bệnh bằng y học cổ truyền đến năm 2020: Phần đầu tuyến tỉnh đạt 15%; Tuyến huyện đạt 20%; Tuyến xã đạt 30%.

7. Về lĩnh vực Dân số - Phát triển:

Tổ chức lại mạng lưới Dân số của tỉnh bao gồm: Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Khoa Dân số - Sức khỏe sinh sản của 09 Trung tâm Y tế tuyến huyện (do Trung tâm Dân số đã giải thể). Cán bộ trạm y tế xã, phường, thị trấn đảm nhiệm công tác dân số xã, chịu sự quản lý về mặt chuyên môn của Trung tâm Y tế tuyến huyện và Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

8. Về mạng lưới sản xuất, kiểm nghiệm và phân phối thuốc:

Đến năm 2020:

- Nâng cao năng lực của Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh: Duy trì Hệ thống Quản lý chất lượng đảm bảo theo tiêu chuẩn GLP, ISO/IEC 17025:2005.

- 100% kho Dược bệnh viện đạt nguyên tắc “Thực hành bảo quản thuốc tốt - GSP”.

- 100% bệnh viện có dược sĩ đại học làm công tác dược lâm sàng.

- Duy trì tỷ lệ 100% khoa Dược các bệnh viện được chuẩn hóa về trang thiết bị và kho lưu trữ thuốc.

- 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn có mô hình vườn thuốc Nam đáp ứng theo tiêu chí Quốc gia về y tế cơ sở.

- 100% quày thuốc, nhà thuốc đạt GPP và duy trì tỷ lệ các doanh nghiệp đạt nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc – GDP” là 100%.

9. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị:

- Từng bước hiện đại hóa các bệnh viện tuyến tỉnh, đầu tư nâng cấp trang thiết bị theo nhu cầu phát triển chuyên ngành tuyến tỉnh. Mua sắm trang thiết bị kỹ thuật, thiết bị truyền thông cho các đơn vị theo quy định của Bộ Y tế.

- Tiếp tục xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh 700 giường và Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải 50 giường, phần đầu hoàn thành vào năm 2020.

- Đầu tư cải tạo, mở rộng và nâng cấp các Trung tâm y tế, đảm bảo 100% Trung tâm y tế tuyến huyện được đầu tư trang thiết bị y tế theo chuẩn của Bộ Y tế.

- Đầu tư xây dựng và nâng cấp các Trạm y tế xã theo Đề án được phê duyệt.

10. Về phát triển mạng lưới An toàn thực phẩm:

Nâng cao năng lực hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm từ tỉnh đến tuyến xã đủ năng lực quản lý và kiểm soát an toàn thực phẩm trên địa bàn.

Đến năm 2020: 95% người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, 100% người quản lý, 80% người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm; giảm 30% số vụ ngộ độc thực phẩm cấp tính từ 30 người mắc trở lên được ghi nhận so với trung bình giai đoạn 2012 - 2016. Giao trụ sở Trung tâm Giám định Y khoa trước đây (do giải thể, sáp nhập vào Bệnh viện đa khoa tỉnh) cho Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm làm trụ sở làm việc; mỗi Trung tâm Y tế tuyến huyện đều có Khoa An toàn thực phẩm và tại trạm y tế xã đều có nhân viên phụ trách công tác an toàn thực phẩm.

11. Về lĩnh vực tài chính y tế:

Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo lộ trình thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Tăng cường kiểm soát chi phí y tế: Thực hiện các quy định về minh bạch hóa và chuẩn hóa việc xác định chi phí và giá thành dịch vụ y tế tại từng tuyến, từng hạng đơn vị.

12. Về hệ thống thông tin y tế:

- Năm 2017, hoàn thành việc xây dựng và triển khai phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý y tế, 100% đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh sử dụng các phần mềm chuyên ngành để quản lý, báo cáo.

- Năm 2018, các đơn vị y tế có trang thông tin điện tử và được tích hợp trên cổng thông tin điện tử Sở Y tế; 100% các cơ sở y tế trên địa bàn tuân thủ thực hiện lập kế hoạch dựa trên bằng chứng là những dữ liệu thông tin đã được đơn vị cập nhật, lưu trữ, xử lý.

- Trong năm 2019, 100% việc điều hành, xử lý giải quyết văn bản giữa các đơn vị y tế trong tỉnh và Sở Y tế được thực hiện qua hệ thống M-Office, và được vận hành tích hợp trong hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành chung.

- Đến năm 2020, 100% số đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh bố trí tối thiểu 1% ngân sách đầu tư cho phát triển công nghệ thông tin. Thành lập tổ Quản lý thông tin y tế thuộc Sở Y tế. Hoàn thành việc triển khai hệ thống giao ban trực tuyến và hệ thống khám chữa bệnh y tế từ xa (Telemedicine).

13. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản về y tế:

Có phụ lục kèm theo.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

- Thiếu cán bộ có trình độ sau đại học, nhất là các chuyên khoa sâu, các chuyên ngành hiếm (Pháp y, Tâm thần, Lao,..). Toàn tỉnh hiện có 04 bác sĩ chuyên khoa Lao, 01 bác sĩ chuyên khoa Pháp y, 02 bác sĩ chuyên khoa Giải phẫu bệnh. Nguyên nhân: Việc sắp xếp nhân sự để cử đi đào tạo gặp rất nhiều khó khăn, do thiếu bác sĩ phục vụ tại bệnh viện; các bác sĩ khi được tuyển dụng, được đưa đi học các chuyên khoa ngành hiếm thì không đồng ý, thậm chí xin nghỉ việc. Mặt khác, chưa có chính sách thỏa đáng cho các bác sĩ về công tác tuyến huyện, xã nên khó giữ lại công tác lâu dài; cán bộ trạm y tế xã kiêm nhiệm nhiều chương trình, địa bàn rộng nên việc quản lý đối tượng không được thuận lợi, thiếu chặt chẽ.

- Một số bệnh, dịch có khả năng diễn biến phức tạp (Sốt xuất huyết, Sởi,...); tình trạng bệnh không lây nhiễm ngày càng tăng (Tăng huyết áp, Đái tháo đường, Ung thư,...) do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tình trạng ô nhiễm môi trường,... Để quản lý, khống chế có hiệu quả đòi hỏi có sự tham gia của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức, hộ gia đình và toàn dân cùng tham gia thực hiện.

- Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm tại một số xã, phường, thị trấn chưa được tổ chức kiểm tra thường xuyên; vẫn còn một số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống (bếp ăn tập thể, căn-tin,...) chưa thực hiện đúng các quy định hiện hành về đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình gặp rất nhiều khó khăn, do: Giải thể Trung tâm Dân số tuyến huyện, chuyển giao nhiệm vụ cho Trung tâm Y tế tuyến huyện và cán bộ trạm y tế tuyến xã thực hiện, nên chất lượng công tác quản lý Dân số - KHHGD trên địa bàn chưa cao.

- Thiếu Thông tư hướng dẫn của Bộ Y tế về việc thực hiện cơ chế tự chủ cho các Trung tâm Y tế tuyến huyện 02 chức năng, gây khó khăn trong đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giao quyền tự chủ cho các đơn vị này. Mặt khác, trạm y tế xã có hợp đồng khám chữa bệnh cho đối tượng bảo hiểm y tế, tạo nguồn thu, nhưng không được chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ trạm y tế, vì không có văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân tại xã, phường, thị trấn.

- Chậm giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản (BVĐK tỉnh, BVĐK huyện Duyên Hải), vốn đầu tư mua sắm TTBYT,... Do bị ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan như: còn một số hộ dân chưa chịu di dời để giao mặt bằng xây dựng cho nhà thầu thi công theo tiến độ, nhà thầu trễ hạn hợp đồng cung cấp TTBYT,...

Phần II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN Y TẾ 5 NĂM 2021 – 2025

Căn cứ Kế hoạch số 71-KH/TU ngày 08/01/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về “*một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”.

Căn cứ Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 08/01/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “*về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*”.

Căn cứ Kế hoạch số 73-KH/TU ngày 08/01/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “*về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới*”.

Căn cứ Kế hoạch số 74-KH/TU ngày 08/01/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “*về công tác dân số trong tình hình mới*”.

Thực hiện Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 10/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đề án quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế tỉnh Trà Vinh từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Sở Y tế xây dựng Kế hoạch 5 năm 2021-2025 như sau:

I. DỰ BÁO NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN THÁCH THỨC

1- Thuận lợi, cơ hội: Được sự chỉ đạo về chuyên môn của Bộ Y tế và sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của các Sở, Ban, ngành có liên quan, cùng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế vì sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân tỉnh nhà. Trong nhiều năm qua, ngành Y tế tỉnh ta đã có nhiều đổi mới, tổ chức hệ thống y tế theo hướng tinh gọn, hiệu quả và phát triển. Mạng lưới y tế cơ sở từng bước được củng cố, tăng cường, phương thức hoạt động có nhiều đổi mới. Năng lực dự báo, giám sát và phòng chống dịch bệnh của các cơ sở y tế dự phòng đã được cải thiện rõ rệt; đã khống chế được các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên địa bàn. Xây dựng mới các bệnh viện, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng cao và đa dạng của Nhân dân. Y tế tư nhân đã được hình thành, không ngừng phát triển và trở thành một bộ phận quan trọng trong hệ thống y tế trong tỉnh. Nhiều chỉ số y tế của tỉnh đã đạt và vượt so với quy hoạch. Đạo đức, phong cách, thái độ phục vụ, trình độ chuyên môn của cán bộ y tế được chú trọng và nâng cao.

2- Khó khăn, thách thức:

- Trước tình hình biến đổi khí hậu, cơ cấu bệnh tật thay đổi, tình hình bệnh dịch không ổn định; an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập gây bức xúc trong xã hội đòi hỏi hệ thống y tế phải có những đổi mới mạnh mẽ cho kịp với những thay đổi nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

- Cơ chế tài chính, BHYT còn nhiều bất cập; đổi mới cơ chế hoạt động, quản lý trong các cơ sở y tế công lập còn lúng túng, mô hình quản lý, cơ chế quản lý y tế tư nhân còn nhiều hạn chế, yếu kém.

- Truyền thông, giáo dục sức khỏe chưa phong phú, đa dạng; truyền thông các yếu tố nguy cơ còn hạn chế, trong khi người dân nhận thức chưa đầy đủ về bảo vệ và nâng cao sức khỏe, thậm chí người dân còn chủ quan với sức khỏe, sử dụng kháng sinh bừa bãi và lạm dụng xét nghiệm

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU KẾ HOẠCH

1. Quan điểm

- Phát triển hệ thống y tế tỉnh Trà Vinh theo hướng hiện đại và bền vững; kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền; thúc đẩy tiến độ phát triển các kỹ thuật cao, chuyên sâu; hướng đến mục tiêu trọng tâm là nâng cao sức khỏe cộng đồng nhằm đảm bảo công bằng, hiệu quả và phát triển trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số.

- Phát triển mạng lưới các cơ sở cung cấp dịch vụ y tế gắn liền với các cụm dân cư nhằm tạo cơ hội cho mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe với chất lượng ngày càng cao, đặc biệt là đồng bào dân tộc Khmer góp phần giảm thiểu chênh lệch về phát triển xã hội giữa các vùng miền trong tỉnh. Thực hiện thống nhất mô hình Trung tâm y tế huyện đa chức năng chịu trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân trên địa bàn.

- Đảm bảo tính đồng bộ và liên tục trong hoạt động chuyên môn của từng tuyến cũng như giữa các tuyến. Phát triển cân đối hợp lý giữa mạng lưới các bệnh viện đa khoa và bệnh viện chuyên khoa, giữa lĩnh vực điều trị và lĩnh vực dự phòng, giữa y tế phổ cập và y tế chuyên sâu hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân. Hình thành và phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện, hạn chế tỷ lệ tử vong.

- Phát triển hệ thống y tế theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, trong đó y tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Phát triển bệnh viện tư nhân kỹ thuật cao, quy mô lớn. Từng bước chuyển đổi phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế theo hình thức cung cấp dịch vụ công đặc biệt là trong lĩnh vực khám chữa bệnh.

- Đổi mới hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Đổi mới công tác quản lý các cơ sở y tế, theo nguyên tắc quản lý thống nhất về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý thống nhất theo ngành, các cơ sở y tế chịu sự quản lý song trùng về chuyên môn và hành chính.

- Y tế dự phòng là giải pháp chủ yếu để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, do đó cần tăng cường đầu tư lĩnh vực y tế dự phòng để phát triển đồng bộ với hệ thống y tế của tỉnh. Đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính trong các đơn vị y tế công lập gắn với việc thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân nhằm xây dựng nền tài chính y tế lành mạnh đảm bảo tính công bằng trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Phát triển hệ thống y tế tỉnh Trà Vinh phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, với quy hoạch phát triển tổng thể Hệ thống Y tế Việt Nam trong cùng thời kỳ; từng bước nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong toàn tỉnh và duy trì là tỉnh có các chỉ số cao hơn so với mức trung bình trong khu vực.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống y tế tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 – 2025 theo hướng công bằng, hiệu quả, phát triển và phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của địa phương nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của nhân dân trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; bảo đảm mọi người dân được hưởng các dịch vụ y tế có chất lượng; người dân được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần; giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, nâng cao chất lượng dân số góp phần cải thiện chất lượng nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá của địa phương.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- *Mục tiêu về sức khoẻ nhân dân:*

+ Giảm thiểu các nguy cơ có hại cho sức khỏe con người, tiến tới giảm tỷ lệ mắc và chết do các bệnh truyền nhiễm, không để dịch lớn xảy ra trên địa bàn tỉnh.

+ Duy trì kết quả loại trừ bệnh uốn ván sơ sinh, bệnh tả, bệnh bại liệt.

+ Giảm tỉ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi và tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi xuống 2‰ vào năm 2025, tỉ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn 10% năm 2025.

+ Phòng chống và quản lý tốt các bệnh không lây nhiễm thường gặp như bệnh tâm thần, ung thư, tai nạn thương tích, tim mạch, đái tháo đường, bệnh nghề nghiệp...

+ Tuổi thọ trung bình tăng lên 76 tuổi vào năm 2025.

- *Mục tiêu về phát triển mạng lưới cơ sở y tế:*

+ Tiếp tục hiện đại hóa các bệnh viện tuyến tỉnh, hoàn chỉnh nâng cấp các trung tâm y tế tuyến huyện; đảm bảo khả năng đáp ứng kịp thời và đầy đủ các yêu cầu về dịch vụ y tế trong mọi tình huống xảy ra.

+ Thành lập mới Bệnh viện Răng Hàm Mặt - Tai Mũi Họng - Mắt và Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng và một số trung tâm chuyên ngành trực thuộc bệnh viện đa khoa tỉnh. Tăng số giường bệnh đến năm 2025 đạt 23 giường/10.000 dân.

+ Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, nâng cao chất lượng hoạt động của mạng lưới y tế cơ sở. Có 100% xã/phường/thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

+ Đảm bảo cung cấp đầy đủ thuốc và vắc-xin phục vụ phòng bệnh, phòng chống dịch, phòng chống thảm họa, thiên tai và khám chữa bệnh.

+ 100% các cơ sở khám chữa bệnh có hệ thống xử lý nước thải và xử lý chất thải rắn y tế theo quy định của Bộ Y tế.

- *Mục tiêu phát triển nguồn nhân lực:*

Phát triển nguồn nhân lực y tế cân đối và phù hợp cho các tuyến. Bảo đảm đến năm 2025 có 10 bác sĩ và 1,5 dược sĩ đại học/10.000 dân; Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ làm việc đạt 99% vào năm 2025; Tỷ lệ thôn bản có nhân viên y tế hoạt động 100% năm 2025.

III. ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ NÂNG CAO SỨC KHỎE NHÂN DÂN VÀ CÔNG TÁC DÂN SỐ GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Về chăm sóc sức khỏe ban đầu, nâng cao sức khỏe tiên tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân

- Tăng cường truyền thông giáo dục sức khỏe như ăn uống hợp vệ sinh, không hút thuốc lá, thực hiện đồng bộ các giải pháp về phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia, đồ uống có cồn khác; tăng cường vận động thể lực, thực hiện 10.000 bước chân mỗi ngày; tạo điều kiện tiếp cận đường đi bộ an toàn, không gian công cộng, cơ sở luyện tập thể dục thể thao; tổ chức các chương trình, mô hình vận động thể lực tại cộng đồng, nơi làm việc, nhà trường.

- Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và giảm muối trong khẩu phần ăn phù hợp cho từng nhóm đối tượng, nguồn nguyên liệu, khẩu vị của người Việt; Chăm sóc dinh dưỡng cho 1.000 ngày vàng đầu đời; Giám sát tình trạng dinh dưỡng, bổ sung vi chất dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi, phụ nữ có thai; phát hiện và giải quyết kịp thời các vấn đề dinh dưỡng trong tình trạng khẩn cấp.

- Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh: Tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch, an toàn cho mọi trẻ em trong diện tiêm chủng. Giáo dục thay đổi hành vi cho học sinh về dinh dưỡng hợp lý, hạn chế các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe; xây dựng thực đơn và tổ chức các bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng tại trường học; định kỳ theo dõi tình trạng dinh dưỡng, kiểm tra sức khỏe; chăm sóc mắt cho trẻ em.

- Giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, hóa chất độc hại đến sức khỏe con người. Tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh; tăng tỷ lệ người dân có thói quen rửa tay với xà phòng.

- Lập hồ sơ sức khỏe cá nhân, định kỳ kiểm tra sức khỏe cho người dân để phát hiện và quản lý điều trị một số bệnh không lây nhiễm như tăng huyết áp, đái

tháo đường, một số bệnh ung thư. Thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dựa vào cộng đồng, chăm sóc dài hạn. Chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động.

- Tăng cường năng lực của hệ thống quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; xây dựng, hoàn thiện các quy trình kỹ thuật về an toàn thực phẩm. Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc.

2. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và hiệu quả hoạt động của y tế cơ sở

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Tăng nguồn ngân sách đầu tư cho công tác phòng, chống HIV/AIDS, bệnh lao, bệnh sốt rét,...

- Thực hiện đổi mới cơ chế và phương thức hoạt động của trạm y tế xã theo hướng dẫn của Bộ Y tế để thực hiện vai trò là tuyến đầu, “người gác cổng” của hệ thống y tế, hoạt động theo nguyên lý y học gia đình, phát triển mạnh bác sỹ gia đình.

- Triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý trạm y tế, tiêm chủng, quản lý bệnh tật, quản lý, theo dõi hồ sơ sức khỏe người dân gắn với quản lý thẻ, thanh toán bảo hiểm y tế. Thiết lập hệ thống số sức khỏe điện tử đến từng người dân, thường xuyên cập nhật các thông tin, chỉ số sức khỏe khi đi khám sức khỏe, chữa bệnh.

3. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và sự hài lòng của người bệnh

- Khắc phục tình trạng quá tải bệnh viện, đẩy mạnh các giải pháp để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Phát triển mạng lưới bệnh viện vệ tinh; thực hiện lộ trình liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm. Tăng cường đào tạo, luân phiên hai chiều cán bộ y tế, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới. Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ; xây dựng cơ sở y tế “Xanh - Sạch - Đẹp, An toàn, Thân thiện, Đáng nhớ”, hướng tới thực hiện chăm sóc toàn diện người bệnh.

- Danh mục dịch vụ kỹ thuật các tuyến phải có đủ năng lực thực hiện, tiến tới bảo đảm chất lượng từng dịch vụ kỹ thuật đồng đều giữa các tuyến. Tuân thủ phác đồ, quy trình, hướng dẫn điều trị và đánh giá, xếp hạng bệnh viện đảm bảo chất lượng đúng theo quy định của Bộ Y tế. Phát triển một số kỹ thuật dịch vụ y tế chuyên sâu và hoàn thành việc đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh có tầm cỡ trong khu vực và cả nước. Xây dựng và thực hiện chương trình phát triển y học cổ truyền, tăng cường kết hợp với y học hiện đại trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, nâng cao sức khỏe.

- Tập trung đẩy nhanh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin từ quản lý bệnh viện, giám định bảo hiểm y tế, bệnh án điện tử tới chẩn đoán, xét nghiệm, khám, chữa bệnh từ xa.

- Tăng cường khám, chữa bệnh cho các đối tượng chính sách; phát huy thế mạnh trạm xá quân dân y kết hợp để bảo đảm dịch vụ khám, chữa bệnh cho người dân vùng sâu, vùng xa, biển đảo.

4. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để duy trì mức sinh thay thế, giảm chênh lệch giới tính khi sinh, tăng cường công tác sàng lọc trước sinh, nâng cao chất lượng dân số.

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Tập trung vận động sinh ít con hơn ở vùng, đối tượng có mức sinh cao; duy trì kết quả ở những nơi đã đạt mức sinh thay thế; sinh đủ 2 con ở những nơi có mức sinh thấp.

- Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới; đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Tạo chuyển biến rõ nét ở những vùng có tỉ số giới tính khi sinh cao.

- Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số toàn diện về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân số. Tiếp tục củng cố mạng lưới dịch vụ kế hoạch hoá gia đình. Phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh, hỗ trợ sinh sản, tư vấn kiểm tra sức khoẻ sinh sản trước hôn nhân.

- Phát triển mạnh chuyên ngành lão khoa trong các cơ sở y tế, khuyến khích phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi. Bảo đảm các nhóm dân số đặc thù như trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc ít người, người di cư... được tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả. Có chính sách đãi ngộ thoả đáng, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ công tác viên ở ấp, khóm, tổ dân phố... Đẩy nhanh triển khai thực hiện đăng ký dân số và cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia thống nhất dùng chung đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội; cung cấp số liệu đầy đủ, tin cậy và dự báo dân số chính xác phục vụ việc lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

5. Đổi mới đào tạo nhân lực y tế

- Đổi mới căn bản, toàn diện công tác đào tạo nhân lực y tế, đáp ứng yêu cầu cả về y đức và chuyên môn. Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học - công nghệ y tế, dược, y sinh học. Đẩy mạnh ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến, phát triển đội ngũ cán bộ chuyên ngành thiết bị y tế.

- Thực hiện đãi ngộ xứng đáng đối với cán bộ y tế, có các chính sách đủ mạnh để khuyến khích Bác sĩ làm việc tại y tế cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao, phong,...

- Tăng cường bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ y tế. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, xâm hại đến nhân phẩm và sức khoẻ thầy thuốc; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ sở y tế.

6. Về sản xuất, cung ứng dược, trang thiết bị y tế

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị y tế cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đặc biệt trang thiết bị y tế công nghệ cao.

- Tiến hành đánh giá hiện trạng và nhu cầu trang thiết bị y tế tại cơ sở y tế các tuyến; rà soát, bổ sung đủ danh mục trang thiết bị y tế thiết yếu cho y tế cơ sở; thông kê, báo cáo trang thiết bị y tế vào phần mềm quản lý tài sản của ngành y tế. Tăng cường khai thác sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị và hạ tầng y tế.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, hoàn thành và đưa vào sử dụng để tăng thêm số cơ sở y tế, giường bệnh, tập trung đầu tư phát triển chuyên khoa sâu về mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt và phục hồi chức năng.

- Bảo đảm thuốc đủ về số lượng, tốt về chất lượng, đáp ứng nhu cầu phòng, chữa bệnh, phục hồi chức năng, khuyến khích sử dụng thuốc sản xuất trong nước. Tăng cường các biện pháp phát hiện và thu hồi thuốc kém chất lượng, phòng chống thuốc giả, xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm. Nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định thuốc, vắc xin, sinh phẩm, thiết bị y tế. Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu mua thuốc, thiết bị, hoá chất, vật tư y tế nhằm kiểm soát tốt chất lượng và giá cả.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất thuốc, vắc xin, sinh phẩm, thiết bị, vật tư y tế, tham gia ngày càng sâu vào chuỗi giá trị dược phẩm trong khu vực và trên thế giới.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, kiểm nghiệm, chứng minh tác dụng của các phương thức chẩn trị, điều trị không dùng thuốc, các bài thuốc, vị thuốc y học cổ truyền. Hỗ trợ phát hiện, đăng ký, công nhận sở hữu trí tuệ và thương mại hoá các bài thuốc y học cổ truyền; tôn vinh và bảo đảm quyền lợi của các danh y.

- Có chính sách đặc thù trong phát triển dược liệu, nhất là các dược liệu quý hiếm; ưu tiên đầu tư và tập trung phát triển các vùng chuyên canh, hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, bảo quản, chế biến dược liệu.

7. Ứng dụng công nghệ thông tin

- Xây dựng và triển khai đề án tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của trạm y tế xã, triển khai lập, quản lý và theo dõi hồ sơ sức khỏe cá nhân và bệnh án điện tử và kết nối các thông tin, dữ liệu quản lý khác như khám, chữa bệnh BHYT, tiêm chủng, quản lý bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm.

- Quản lý hồ sơ sức khỏe người dân, người khuyết tật, tích hợp dữ liệu tham gia, thanh toán bảo hiểm y tế với dữ liệu Bảo hiểm xã hội và mã số định danh công dân, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trên phạm vi cả nước.

- Hoàn thành việc kết nối mạng giữa cơ sở khám bệnh và các nhà thuốc, bảo đảm kiểm soát xuất xứ, giá cả thuốc được mua vào, bán ra và việc bán thuốc theo đơn trên toàn tỉnh. Tăng cường chẩn đoán, điều trị từ xa (Telemedicine), gắn với đào tạo, chuyển giao kỹ thuật. Ứng dụng công nghệ thông tin phổ biến tri thức trong phòng bệnh, chữa bệnh và nâng cao sức khỏe; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y tế.

8. Về tài chính y tế và bảo hiểm y tế

- Tăng cường đầu tư và đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại ngân sách nhà nước trong lĩnh vực y tế để có nguồn lực triển khai toàn diện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân, nhất là đối với các đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.

- Ưu tiên bố trí ngân sách, bảo đảm tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi ngân sách nhà nước. Tập trung ngân sách nhà nước cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần...; dành ít nhất 30% ngân sách y tế cho công tác y tế dự phòng. Tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các hàng hoá có hại cho sức khoẻ như đồ uống có cồn, có ga, thuốc lá để hạn chế tiêu dùng. Ngân sách nhà nước, bảo hiểm y tế bảo đảm chi trả cho các dịch vụ ở mức cơ bản; người sử dụng dịch vụ chi trả cho phần vượt mức. Thực hiện cơ chế giá dịch vụ và cơ chế đồng chi trả phù hợp nhằm khuyến khích người dân khám, chữa bệnh ở tuyến y tế cơ sở, bệnh viện tuyến tỉnh tập trung cung cấp các dịch vụ mà tuyến dưới chưa bảo đảm được.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các cơ sở y tế công lập theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị; giá dịch vụ y tế được tính đúng, tính đủ chi phí và có tích lũy để đầu tư phát triển, bảo đảm công khai, minh bạch, gắn với chất lượng dịch vụ. Có chính sách ưu đãi về đất, tín dụng... để khuyến khích các cơ sở y tế đầu tư mở rộng, nâng cấp, hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân, kể cả của người có thu nhập cao, người nước ngoài.

- Đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực phát triển hệ thống y tế. Đa dạng hoá các hình thức hợp tác công - tư, bảo đảm minh bạch, công khai, cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt công - tư trong cung cấp dịch vụ y tế. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở y tế (kể cả trong chăm sóc sức khoẻ ban đầu), tập trung vào cung cấp dịch vụ cao cấp, theo yêu cầu. Các cơ sở y tế, cơ sở chăm sóc người cao tuổi hoạt động không vì lợi nhuận được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân. Điều chỉnh mức đóng phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, thu nhập của người dân và chất lượng dịch vụ. Đổi mới bảo hiểm y tế theo hướng bao gồm cả dự phòng, nâng cao sức khoẻ và điều trị. Đa dạng các gói bảo hiểm y tế, có bảo hiểm y tế bổ sung, gắn bảo hiểm y tế với các loại hình bảo hiểm sức khoẻ khác. Nhà nước mua và hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách, người nghèo, trẻ em và người dân tộc thiểu số, người dân sống ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn. Nâng cao năng lực, đổi mới công tác giám định bảo hiểm y tế để bảo đảm khách quan, minh bạch. Thực hiện các giải pháp đồng bộ chống lạm dụng, trục lợi, bảo đảm cân đối quỹ bảo hiểm y tế và quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế, cơ sở y tế.

9. Đổi mới hệ thống tổ chức y tế từ tỉnh đến cơ sở

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế theo hướng tinh gọn,

hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn, đồng thời bảo đảm chỉ đạo thông suốt về chuyên môn. Tăng cường năng lực Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố nhằm củng cố mạng lưới làm nhiệm vụ y tế dự phòng của tỉnh và kết nối với mạng lưới kiểm soát bệnh tật toàn quốc. Sắp xếp lại các đơn vị làm nhiệm vụ kiểm nghiệm, kiểm định để hình thành hệ thống cơ quan kiểm soát dược phẩm và thực phẩm, thiết bị y tế phù hợp, hội nhập quốc tế theo quy định.

- Hoàn thành Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế và tổ chức hệ thống cung ứng dịch vụ y tế theo 3 cấp chuyên môn. Tổ chức hệ thống trạm y tế xã, phường, thị trấn gắn với y tế học đường và phù hợp với đặc điểm của từng địa phương. Phát triển mạnh hệ thống cấp cứu tại cộng đồng và trước khi vào bệnh viện. Tập trung hoàn thiện bệnh viện đa khoa hoàn chỉnh trước khi thành lập mới các bệnh viện chuyên khoa ở cấp tỉnh. Thí điểm hình thành chuỗi các bệnh viện. Khuyến khích phát triển mạnh mẽ bệnh viện, cơ sở chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng ngoài công lập, đặc biệt là các mô hình hoạt động không vì lợi nhuận.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ, giảm phiền hà, tạo thuận lợi cho người dân.

10. Chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác và chủ động tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo và tài chính của các bệnh viện tuyến trung ương. Tăng cường đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực y dược. Tích cực tham gia xây dựng các chính sách, giải quyết các vấn đề y tế; nâng cao vai trò, vị thế của y tế Trà Vinh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

- Tăng cường xây dựng và áp dụng các chuẩn mực y tế trong nước theo hướng cập nhật với thế giới và khu vực. Phân đấu hoàn thành các mục tiêu y tế góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh 5 năm 2021 – 2025.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp chỉ đạo, điều hành

- Giải pháp quản lý nhà nước về y tế: Nâng cao năng lực hoạch định chính sách và lập kế hoạch triển khai các chính sách về y tế. Nâng cao năng lực và hiệu quả theo dõi, giám sát thực hiện chính sách y tế: Thiết lập và duy trì hệ thống chỉ tiêu và thường xuyên theo dõi, giám sát, đánh giá hoạt động thực hiện chính sách, kế hoạch y tế trên địa bàn; thực hiện các biện pháp giám sát chặt chẽ để tránh tình trạng lạm dụng trong chỉ định thuốc và sử dụng dịch vụ kỹ thuật cao giúp người bệnh hạn chế các khoản chi phí y tế không cần thiết.

- Tăng cường cam kết chính trị và xã hội hóa công tác y tế trên địa bàn:

+ Khuyến khích phát triển hệ thống y tế ngoài công lập, tạo điều kiện bình đẳng giữa các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập; ban hành các chính sách đặc thù của địa phương nhằm tăng cường thu hút đầu tư, mở rộng liên doanh, liên kết để phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cấp trang thiết bị cho các cơ sở y tế trong tỉnh và những chính sách ưu đãi trong bố trí quỹ đất, đào tạo, đãi ngộ, sử dụng... đối với nhân lực y tế nhằm thu hút, giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương; luân chuyển nhân viên y tế giữa các tuyến, các khu vực trong tỉnh để khắc phục những bất cập trong phân bố nhân lực y tế trên địa bàn hiện nay; tăng cường vai trò lãnh đạo, tổ chức thực hiện của các cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp liên ngành trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

+ Đẩy mạnh hợp tác với các bệnh viện tuyến trên, đặc biệt các cơ sở y tế đầu ngành trong mọi lĩnh vực y tế. Tăng cường quan hệ hợp tác y tế với các tổ chức quốc tế, các nước, các viện, các trường. Tranh thủ mọi sự hợp tác, hỗ trợ về kinh phí, kỹ thuật trong các lĩnh vực đào tạo, chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao.. từ các đối tác trong và ngoài nước.

2. Giải pháp quy hoạch

2.1. Giải pháp về tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực y tế:

2.1.1. Giải pháp về tổ chức và quản lý:

Đổi mới và hoàn thiện hệ thống y tế theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển, tạo cơ hội thuận lợi cho mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe với chất lượng ngày càng cao. Quan tâm phát triển các dịch vụ y học với công nghệ, kỹ thuật cao; phát triển hài hòa giữa y tế phổ cập với y tế chuyên sâu, kết hợp phát triển y học hiện đại với y học cổ truyền. Thúc đẩy các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập được phát triển về quy mô và chất lượng, nâng cấp các cơ sở y tế đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

Hoàn thiện tổ chức hệ thống y tế trong tỉnh theo quy hoạch chung và quy hoạch chuyên ngành đã được phê duyệt phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tiếp tục đầu tư nâng cấp các cơ sở y tế, đặc biệt là mạng lưới y tế cơ sở và y tế dự phòng.

Chú trọng phát triển hệ thống thông tin y tế tại các đơn vị, thuộc các tuyến với việc ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại nhằm đáp ứng đầy đủ, chính xác và kịp thời nhu cầu thông tin phục vụ quản lý, điều hành và giám sát thực hiện các hoạt động y tế trên địa bàn.

Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính nhằm cải thiện, tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý ngành đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

2.1.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực y tế:

Xác định nhu cầu về nhân lực của từng cơ sở y tế, từng lĩnh vực. Xây dựng kế hoạch đào tạo và tuyển dụng để điều chỉnh đội ngũ nhân viên y tế phù hợp cho từng đơn vị, từng lĩnh vực với tầm nhìn cả ngắn hạn và dài hạn. Huy động nhân

viên y tế đã nghỉ hưu tham gia công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trên địa bàn.

Xây dựng các chính sách thu hút, đãi ngộ vượt trội để tích cực phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho hệ thống y tế toàn tỉnh. Tinh giản bộ máy, phát huy hiệu lực hiệu quả của tổ chức, bộ máy. Triển khai rộng rãi các hợp đồng gói dịch vụ đối với các dịch vụ sử dụng lao động phổ thông, lao động kỹ thuật đơn giản; xây dựng kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, trình độ quản lý cho nhân viên y tế.

Đa dạng hóa các hình thức đào tạo nâng cao trình độ; tập trung đào tạo có chọn lọc và đào tạo có trọng tâm, định hướng đối với một số chức danh chuyên môn gắn với đào tạo cán bộ quản lý.

2.2. Giải pháp đầu tư, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho y tế:

Đề xuất địa phương tăng định mức đầu tư ngân sách nhà nước cho y tế đặc biệt là với vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc Khmer sinh sống. Tăng cường vận động, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hợp pháp khác.

Đổi mới tài chính bệnh viện, từng bước ứng dụng cơ chế chi trả dịch vụ y tế tại bệnh viện phù hợp với điều kiện thực tế.

Tăng cường kiểm soát chi phí y tế, đặc biệt là chi phí cho dịch vụ bệnh viện, giảm thiểu tình trạng lạm dụng dịch vụ y tế nhất là các dịch vụ kỹ thuật cao, dịch vụ được đầu tư từ nguồn xã hội hóa; ban hành và thực hiện các quy định về minh bạch hóa, chuẩn hóa việc xác định chi phí, giá thành dịch vụ y tế.

Chủ động xây dựng các đề án phát triển từng lĩnh vực giai đoạn 2021 - 2030. Lập dự toán tổng hợp nhu cầu đầu tư kinh phí trong đó xác định rõ các nguồn cần huy động; khuyến khích và ban hành các cơ chế thu hút đối với các thành phần kinh tế trong đầu tư cho hoạt động y tế trên địa bàn tỉnh.

Nơi nhận:

- Vụ KH-TC, Bộ Y tế (Bc);
- Sở KHĐT (B/c);
- GD,PGD Sở Y tế (chỉ đạo);
- Các phòng chuyên môn SYT (thực hiện);
- Các đơn vị trực thuộc SYT (thực hiện);
- Lưu: VT,KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Phước

PHỤ LỤC:**CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN VỀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SYT ngày /7/2020 của Sở Y tế Trà Vinh)*

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	Ước TH năm 2020	KH đến năm 2025
1	Dân số trung bình	Người	1.047.000	1.015.223	1.052.236
2	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	72,5	74	75
3	Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên	%	1,05	1,01	1,001
4	Mức giảm sinh	‰	0,1	0,1	0,02
5	Tỷ số giới tính khi sinh (bé trai/100 bé gái)	Trẻ	112,12	111,46	110,26
6	Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi	‰	2,16	1,62	< 2
7	Tỷ suất tử vong trẻ em < 5 tuổi	‰	2,45	2,0	< 2,7
8	Số bác sĩ/10.000 dân	Người	6,4	7,8	10
9	Số dược sĩ đại học/10.000 dân	Người	0,8	1,1	1,5
10	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sĩ làm việc	%	90,4 (95/106)	96,2 (102/106)	100
11	Tỷ lệ thôn bản có nhân viên y tế hoạt động	%	99,0	99,0	100
12	Tỷ lệ giường bệnh/10.000 dân (không tính giường bệnh trạm y tế xã)	Giường	19	21,9	23,0
13	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ	%	99,67	> 95	100
14	Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi)	%	14,4	13,8	10,0
15	Tỷ lệ xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế (theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã kèm theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế)	%	87,73 (93/106)	95,28 (101/106)	100